

Điểm chuẩn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2025: Ngành sư phạm Lịch sử cao nhất 29,06 điểm

12:36 23/08/2025

Ngày 23/8, trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố điểm chuẩn 48 ngành và chương trình, từ 19 điểm đến 29,06 điểm. Trong đó, ngành Sư phạm Lịch sử dẫn đầu. Một số ngành lấy trên 28 như Giáo dục chính trị và các ngành Sư phạm Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Địa lý...



Trường Đại học Sư phạm Hà Nội công bố điểm chuẩn 48 ngành và chương trình, từ 19 điểm đến 29,06 điểm, trong đó ngành Sư phạm Lịch sử dẫn đầu. (Ảnh minh họa)

Năm 2025, trường Đại học Sư phạm Hà Nội dự kiến tuyển gần 5.000 sinh viên vào 50 ngành, chương trình, bằng 3 phương thức gồm: Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT; xét tuyển thí sinh có thành tích, năng lực vượt trội; dựa vào điểm thi đánh giá năng lực (SPT) do trường tổ chức.

Theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, trường sẽ quy đổi điểm tương đương giữa các tổ hợp về thang 30.

Căn cứ kết quả xét tuyển và lọc ảo toàn quốc, Hội đồng tuyển sinh xác định điểm chuẩn xét tuyển năm 2025 vào các ngành đào tạo đại học chính quy của Trường ĐHSP Hà Nội.

Dưới đây là điểm chuẩn trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2025 chi tiết như sau:

1) Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
2	Quản lí giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7140114</i>	24.68
2	GD Mầm non <i>Mã xét tuyển: 7140201</i>	22.25
3	GD Mầm non - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140201K</i>	21.63
4	GD Tiểu học <i>Mã xét tuyển: 7140202</i>	25.17
5	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140202K</i>	24.99
6	GD đặc biệt <i>Mã xét tuyển: 7140203</i>	27.55
7	GD công dân <i>Mã xét tuyển: 7140204</i>	27.74
8	GD chính trị <i>Mã xét tuyển: 7140205</i>	28.22
9	GD thể chất <i>Mã xét tuyển: 7140206</i>	25.89
10	GD Quốc phòng và An ninh <i>Mã xét tuyển: 7140208</i>	27.27

11	SP Toán học <i>Mã xét tuyển: 7140209</i>	28.27
12	SP Toán học (<i>dạy Toán bằng tiếng Anh</i>) <i>Mã xét tuyển: 7140209K</i>	28.36
13	SP Tin học <i>Mã xét tuyển: 7140210</i>	24.83
14	SP Vật lí <i>Mã xét tuyển: 7140211</i>	28.31
15	SP Vật lí (<i>dạy Vật lí bằng tiếng Anh</i>) <i>Mã xét tuyển: 7140211K</i>	27.78
16	SP Hoá học <i>Mã xét tuyển: 7140212</i>	28.42

17	SP Hoá học (<i>dạy Hóa học bằng tiếng Anh</i>) <i>Mã xét tuyển: 7140212K</i>	26.13
18	SP Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7140213</i>	26.27
19	SP Ngữ văn <i>Mã xét tuyển: 7140217</i>	28.48
20	SP Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7140218</i>	29.06
21	SP Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140219</i>	28.79
22	SP Âm nhạc <i>Mã xét tuyển: 7140221</i>	23.75

23	SP Mỹ thuật <i>Mã xét tuyển: 7140222</i>	23.48
24	SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140231</i>	26.30
25	SP Tiếng Pháp <i>Mã xét tuyển: 7140233</i>	27.15
26	SP Công nghệ <i>Mã xét tuyển: 7140246</i>	21.75
27	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã xét tuyển: 7140247</i>	27.06
28	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140249</i>	28.60

2) Lĩnh vực nhân văn

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
1	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam (<i>bắt đầu tuyển sinh từ 2025</i>) <i>Mã xét tuyển: 7220101</i>	26.36
2	Ngôn ngữ Anh <i>Mã xét tuyển: 7220201</i>	24.56
3	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã xét tuyển: 7220204</i>	26.76
4	Triết học (<i>Triết học Mác Lê-nin</i>) <i>Mã xét tuyển: 7229001</i>	24.87

5	Lịch sử (<i>bắt đầu tuyển sinh từ 2025</i>) Mã xét tuyển: 7229010	27.75
6	Văn học Mã xét tuyển: 7229030	27.64

3) Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, Mã xét tuyển	Điểm chuẩn
1	Chính trị học Mã xét tuyển: 7310201	25.19
2	Xã hội học (<i>bắt đầu tuyển sinh từ 2025</i>) Mã xét tuyển: 7310301	26.00

3	Tâm lý học (<i>Tâm lý học trường học</i>) Mã xét tuyển: 7310401	23.25
4	Tâm lý học giáo dục Mã xét tuyển: 7310403	23.96
5	Việt Nam học Mã xét tuyển: 7310630	20.00

4) Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, Mã xét tuyển	Điểm chuẩn
1	Sinh học Mã xét tuyển: 7420101	19.00
2	Công nghệ sinh học (<i>bắt đầu tuyển sinh từ 2025</i>) Mã xét tuyển: 7420201	19.25

5) Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, Mã xét tuyển	Điểm chuẩn
1	Vật lý học (<i>Vật lý bán dẫn và kỹ thuật</i>) (<i>bắt đầu tuyển sinh từ 2025</i>) Mã xét tuyển: 7440102	22.35
2	Hóa học Mã xét tuyển: 7440112	23.00

6) Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
1	Toán học <i>Mã xét tuyển: 7460101</i>	25.47

7) Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
1	Công nghệ thông tin <i>Mã xét tuyển: 7480201</i>	20.60

8) Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
1	Công tác xã hội <i>Mã xét tuyển: 7760101</i>	26.13
2	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật <i>Mã xét tuyển: 7760103</i>	25.29

9) Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, Mã xét tuyển</i>	Điểm chuẩn
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành <i>Mã xét tuyển: 7810103</i>	20.25

PV (t/h)